Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-01-23 11:22:24 +07:00

QUỐC HỘI

Luật số: 107/2025/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 68/2020/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

"1a. *Thông tin lý lịch tư pháp* gồm thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.";

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

"4a. *Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp* là tập hợp thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân và các thông tin về số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân, họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, dân tộc, nơi cư trú; họ, chữ đệm và tên cha, mẹ, vợ, chồng của người đó.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. *Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp* gồm Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Công an cấp tỉnh).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

"4. Hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp, thông tin lý lịch tư pháp**

1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam từ đủ 16 tuổi trở lên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

4. Thông tin lý lịch tư pháp, Phiếu lý lịch tư pháp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 quy định tại Điều 43 của Luật này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc nghị định, nghị quyết của Chính phủ quy định cần sử dụng thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ mục đích tuyển dụng, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành nghề, vị trí việc làm có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân khi tham gia các giao dịch dân sự, thương mại liên quan trực tiếp đến các đối tượng yếu thế trong xã hội.".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"**Điều 9. Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

2. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp quy định việc phối hợp trong thực hiện thủ tục tra cứu, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và việc xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự.".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"**Điều 10. Phí cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải nộp phí cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Luật này;

b) Cá nhân sử dụng thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp phí cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp.

3. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp**

1. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng tập trung, thống nhất tại Bộ Công an.

2. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, định mức kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác, sử dụng.

4. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm thu thập, tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu do mình quản lý và kết nối, chia sẻ dữ liệu, đồng thời cung cấp đầy đủ, kịp thời bản chính, bản sao hoặc bản điện tử nguồn thông tin được quy định tại Điều 15 và Điều 36 của Luật này cho Bộ Công an để xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp**

1. Xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

2. Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp theo quy định của Luật này.

3. Lập Lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo thẩm quyền.

4. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về việc quản lý, tiếp nhận, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

5. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"**Điều 15. Nguồn thông tin lý lịch tư pháp về án tích**

Thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác lập từ các nguồn sau đây:

1. Bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và bản án hình sự phúc thẩm;

2. Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự; quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm; quyết định trả tự do cho bị cáo; quyết định tổng hợp hình phạt;

3. Quyết định thi hành án hình sự;

4. Quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định miễn chấp hành hình phạt; quyết định miễn chấp hành án, giảm thời hạn chấp hành án; quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành án phạt tù; quyết định kéo dài thời hạn trục xuất;

5. Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước;

6. Chứng nhận chấp hành xong hình phạt; văn bản thông báo kết quả thi hành án phạt trục xuất;

7. Quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án; giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án trong trường hợp người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình;

8. Quyết định đình chỉ thi hành án;

9. Quyết định ân giảm hình phạt tử hình; quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân;

10. Giấy chứng nhận đặc xá, đại xá;

11. Quyết định xóa án tích;

12. Trích lục bản án hoặc trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự hoặc theo nguyên tắc có đi có lại;

13. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi cho cơ quan nước ngoài yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự, thi hành án; quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; văn bản về việc tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam; thông báo về quyết định miễn, giảm hình phạt, đặc xá, đại xá của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù;

14. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ, quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

15. Các văn bản, tài liệu khác có giá trị chứng minh thông tin về án tích của cá nhân.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“**Điều 16. Nhiệm vụ của Tòa án trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích**

1. Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ cung cấp cho Công an cấp tỉnh nơi Tòa án đó có trụ sở các văn bản sau đây:

a) Trích lục bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật;

b) Trích lục bản án hình sự phúc thẩm;

c) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự;

d) Quyết định trả tự do cho bị cáo;

đ) Quyết định tổng hợp hình phạt;

e) Quyết định ân giảm hình phạt tử hình; quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân;

g) Quyết định thi hành án hình sự;

h) Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù;

i) Quyết định xóa án tích.

2. Tòa án đã ra quyết định có nhiệm vụ cung cấp cho Công an cấp tỉnh nơi Tòa án đó có trụ sở các quyết định sau đây:

a) Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm;

b) Quyết định miễn chấp hành án; quyết định miễn chấp hành hình phạt;

c) Quyết định giảm thời hạn chấp hành án;

d) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

đ) Quyết định đình chỉ thi hành án;

e) Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện;

g) Quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù;

h) Quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

i) Quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện;

k) Quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

l) Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành án phạt tù;

m) Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước;

n) Văn bản về việc tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam quy định tại khoản 13 Điều 15 của Luật này;

o) Quyết định thi hành quyết định dẫn độ; quyết định thi hành quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

3. Thời hạn gửi trích lục bản án, quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày Tòa án đã xét xử sơ thẩm nhận được bản án, quyết định quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

4. Nội dung trích lục bản án quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, dân tộc, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân, nơi cư trú của người bị kết án; họ, chữ đệm và tên cha, mẹ, vợ, chồng của người đó;

b) Ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, quyết định của bản án về biện pháp tư pháp, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Nhiệm vụ của Tòa án quân sự trung ương trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích**

Tòa án quân sự trung ương có nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích của người bị Tòa án quân sự kết án quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều 15 của Luật này cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ra quyết định, cấp giấy xác nhận.".

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"**Điều 26. Lập Lý lịch tư pháp**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp lập Lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

a) Nhận được thông tin lý lịch tư pháp về án tích do Tòa án cung cấp;

b) Nhận được văn bản về việc người bị kết án được dẫn độ để thi hành án hoặc được chuyển giao để chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam;

c) Nhận được bản sao trích lục bản án hoặc trích lục án tích của công dân Việt Nam do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp.

2. Lý lịch tư pháp được lập trên cơ sở nguồn thông tin lý lịch tư pháp về án tích quy định tại Điều 15 của Luật này.

3. Lý lịch tư pháp được lập riêng cho từng người bị kết án với các nội dung sau đây:

a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, dân tộc, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân, nơi cư trú của người bị kết án; họ, chữ đệm và tên cha, mẹ, vợ, chồng của người đó;

b) Ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, quyết định của bản án về biện pháp tư pháp, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí;

c) Tình trạng thi hành án.

4. Trường hợp một người bị kết án về nhiều tội và đã được tổng hợp hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự thì Lý lịch tư pháp của người đó ghi rõ từng tội danh, điều khoản luật được áp dụng và hình phạt chung đối với các tội đó.".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

"**Điều 27. Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích trong trường hợp Tòa án có quyết định về việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án, tha tù trước thời hạn có điều kiện; miễn chấp hành án, giảm thời hạn chấp hành án; rút ngắn thời gian thử thách; buộc người được hưởng án treo phải chấp hành án phạt tù**

Trường hợp Lý lịch tư pháp của một người đã được lập, sau đó Tòa án có quyết định quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật này thì cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cập nhật các thông tin này vào Lý lịch tư pháp của người đó.".

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

"**Điều 33. Cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin về hành vi phạm tội mới của người đã bị kết án và cập nhật thông tin trong trường hợp người bị kết án được xóa án tích**

1. Thông tin có liên quan về hành vi phạm tội mới của người bị kết án bao gồm:

a) Quyết định khởi tố bị can, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đã được Viện kiểm sát phê chuẩn;

b) Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can, quyết định đình chỉ điều tra bị can;

c) Quyết định phục hồi điều tra bị can;

d) Quyết định truy nã, quyết định đình nã;

đ) Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo;

e) Quyết định phục hồi vụ án đối với bị can, bị cáo.

2. Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ cung cấp thông tin về hành vi phạm tội mới của người đã bị kết án bằng bản chính, bản sao hoặc bản điện tử và kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp như sau:

a) Tòa án đã xét xử sơ thẩm có nhiệm vụ cung cấp thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này cho Công an cấp tỉnh nơi Tòa án có trụ sở; Tòa án quân sự trung ương cung cấp thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an;

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân có nhiệm vụ cung cấp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an các quyết định

quy định tại khoản 1 Điều này do mình ban hành hoặc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban hành;

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ cung cấp cho Công an cấp tỉnh nơi Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra có trụ sở các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này do mình ban hành hoặc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban hành;

d) Thời hạn cung cấp thông tin là 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định hoặc kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cập nhật thông tin trong trường hợp người bị kết án được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự như sau:

a) Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự thì cập nhật "đã được xóa án tích" vào Lý lịch tư pháp của người đó;

b) Trường hợp người bị kết án được Tòa án quyết định xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự thì cập nhật "đã được xóa án tích" vào Lý lịch tư pháp của người đó.".

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

"**Điều 37. Cung cấp, tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã**

1. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp trích lục quyết định tuyên bố phá sản, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã bằng bản chính hoặc bản sao hoặc bản điện tử và kết nối, chia sẻ dữ liệu cho Công an cấp tỉnh nơi Tòa án đó có trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Nội dung trích lục quyết định tuyên bố phá sản bao gồm:

a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, dân tộc, số định danh cá nhân hoặc số hộ

chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân, nơi cư trú của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Chức vụ bị cấm đảm nhiệm; thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, không được thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã do Tòa án cung cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.".

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

"**Điều 38. Lập Lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã**

Người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chưa có Lý lịch tư pháp thì Công an cấp tỉnh nơi Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản có trụ sở lập Lý lịch tư pháp; trường hợp đã có Lý lịch tư pháp thì cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người đó theo quyết định của Tòa án.".

16. Sửa đổi, bổ sung tên Chương IV như sau:

"**Chương IV**

CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP CHO CÁ NHÂN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC".

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

"**Điều 41. Phiếu lý lịch tư pháp**

1. Phiếu lý lịch tư pháp được cấp cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này gồm Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2.

2. Phiếu lý lịch tư pháp được cấp dưới dạng bản điện tử hoặc bản giấy và có giá trị pháp lý như nhau.

3. Trường hợp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp theo quy định của Luật này thì thông tin lý lịch tư pháp được đồng thời hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia và có giá trị như Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia được cập nhật để cá nhân sử dụng khi có nhu cầu mà không cần yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu Phiếu lý lịch tư pháp và hình thức hiển thị thông tin lý lịch tư pháp trên Ứng dụng định danh quốc gia.".

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

"**Điều 45. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp**

1. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến.

Người nước ngoài, người chưa có định danh điện tử có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Việc yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thực hiện như sau:

a) Trường hợp yêu cầu bằng hình thức trực tuyến thì thực hiện thông qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trường hợp yêu cầu qua dịch vụ bưu chính thì gửi hồ sơ kèm chứng thực chữ ký của người yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp thì nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

3. Cá nhân có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình hoặc người mà mình giám hộ. Việc yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cá nhân có thể ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật và việc yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.".

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

"**Điều 48. Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp**

1. Trường hợp có yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 của Luật này thì Phiếu lý lịch tư pháp được cấp bằng bản điện tử.

Trường hợp có yêu cầu theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 45 của Luật này thì Phiếu lý lịch tư pháp được cấp bằng bản giấy.

2. Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; trường hợp có thông tin về án tích hoặc hành vi phạm tội mới cần xác minh thì thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 15 ngày.".

20. Bổ sung mục 3 Chương IV như sau:

"**Mục 3**

CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 50a. Nội dung thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp

Thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng gồm những nội dung quy định tại Điều 43 của Luật này; thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp gồm những nội dung quy định tại Điều 42 của Luật này.

Điều 50b. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Khi có yêu cầu sử dụng thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Luật này được khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; không yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tin lý lịch tư pháp được khai thác theo quy định tại khoản này có giá trị như Phiếu lý lịch tư pháp.

2. Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, tổ chức có yêu cầu, bảo đảm đúng mục đích, an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Cơ quan, tổ chức có yêu cầu sử dụng thông tin lý lịch tư pháp có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp đúng mục đích, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.".

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

"**Điều 52. Giải quyết khiếu nại**

Cá nhân có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp khi có căn cứ cho rằng việc cấp hoặc từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp là trái pháp luật hoặc nội dung thông tin lý lịch tư pháp không chính xác, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.".

22. Thay thế, bổ sung, bỏ một số cụm từ tại các điều, khoản, điểm như sau:

a) Thay thế cụm từ "Giám đốc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an" tại khoản 3 Điều 44;

b) Thay thế cụm từ "Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia" bằng cụm từ "Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an" tại các điều 17, 30, 31, 32, 44 và 47;

c) Thay thế cụm từ "Sở Tư pháp" bằng cụm từ "Công an cấp tỉnh" tại các điều 20, 28, 29, 30, 44 và 47;

d) Thay thế cụm từ "số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu" bằng cụm từ "số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân" tại Điều 42 và Điều 43;

đ) Thay thế cụm từ "trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp" bằng cụm từ "trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp" tại Điều 6;

e) Thay thế cụm từ "chấp hành xong hình phạt" bằng cụm từ "chấp hành xong án phạt" tại Điều 30;

g) Thay thế cụm từ "chấp hành hình phạt" bằng cụm từ "chấp hành án phạt" tại Điều 32;

h) Thay thế cụm từ "10 ngày" bằng cụm từ "05 ngày làm việc" tại các điều 17, 20 và 24;

i) Thay thế cụm từ "Họ, tên" trước cụm từ "giới tính" bằng cụm từ "Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác" tại Điều 42 và Điều 43;

k) Thay thế cụm từ "họ, tên cha, mẹ, vợ, chồng" bằng cụm từ "họ, chữ đệm và tên cha, mẹ, vợ, chồng" tại Điều 43;

l) Thay thế cụm từ "cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp" bằng cụm từ "cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp" tại các điều 2, 6, 24 và 49;

m) Thay thế cụm từ "khoản 11" bằng cụm từ "khoản 7 và khoản 8" tại Điều 20;

n) Thay thế cụm từ "nơi sinh, quốc tịch" bằng cụm từ "nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, dân tộc" tại Điều 42 và Điều 43;

o) Bổ sung cụm từ "quyết định của bản án về biện pháp tư pháp," trước cụm từ "nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự" tại khoản 2 Điều 2 và điểm b khoản 2 Điều 43;

p) Bỏ cụm từ "cho người khác" và bổ sung cụm từ ", khoản 4" trước cụm từ "Điều 45" tại khoản 2 Điều 49;

q) Bỏ cụm từ ", cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng" tại Điều 6 và Điều 24;

r) Bỏ cụm từ "trực thuộc trung ương" tại Điều 47.

23. Bãi bỏ Điều 13, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, khoản 3 Điều 24, Điều 34, khoản 4 Điều 44, Điều 46, Điều 53 và Điều 56.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 68/2020/QH14.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn